

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Duy T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 19xx; nơi thường trú: Thôn 11 C, xã D, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 19xx; nơi thường trú: Thôn 11 C, xã D, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2025 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chị Trần Thị L (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 77 ngày 24 tháng 12 năm 2010. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã D, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Phạm Văn T không quan tâm đến vợ con và đến đầu năm 2025 anh Phạm Văn T đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 thành phố Hải Phòng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Nay chỉ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chỉ được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T có một con chung tên là Phạm Ánh N, sinh ngày 14/12/20xx. Hiện con khỏe mạnh và đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L tự thỏa thuận với anh Phạm Văn T, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong bản tự khai đề ngày 19 tháng 3 năm 2025 cùng các lời khai gửi Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, anh Phạm Văn T (bị đơn) trình bày:

Anh Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Trần Thị L là đúng. Nay chị Trần Thị L đề nghị ly hôn, anh xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn nhưng đề nghị Toà án hoãn giải quyết ly hôn, để khi giải quyết xong nợ nần mới ly hôn vì nếu ly hôn xong chị Trần Thị L không có trách nhiệm trả nợ chung cùng anh. Về con chung anh có quan điểm như chị Trần Thị L đã trình bày. Về tài sản chung và nợ chung anh có đề nghị Tòa án giải quyết cho anh khi ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T. Giao con chung tên là Phạm Ánh N, sinh ngày 14/12/20xx cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề

cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung và nợ chung vợ chồng không giải quyết trong vụ án này nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Phạm Văn T nghiện ma túy và hiện đang cai nghiện ma túy tự nguyện. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị L xin ly hôn với anh Phạm Văn T. Anh Phạm Văn T thừa nhận và xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và đồng ý giải quyết ly hôn khi chia xong nợ chung vợ chồng. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L với anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T có một con chung tên là Phạm Ánh N, sinh ngày 14/12/20xx. Khi ly hôn chị Trần Thị L, anh Phạm Văn

T đều đề nghị giao con chung cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị Trần Thị L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có đủ điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung, con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình thường và là nữ có nguyện vọng ở với mẹ. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Phạm Ánh N cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T có quan điểm tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Anh Phạm Văn T có đề nghị Tòa án giải quyết chia nợ chung vợ chồng nhưng do yêu cầu này đưa ra không cụ thể là giải quyết nợ chung với người nào, sau khi đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không liên quan đến vụ án đang giải quyết nên căn cứ khoản 6 Điều 72 và khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận để giải quyết trong vụ án này. Anh Phạm Văn T có quyền khởi kiện chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng thành một vụ án khác nếu có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Phạm Ánh N, sinh ngày 14/12/20xx cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau

khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0009557 ngày 24 tháng 02 năm 2025. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L, anh Phạm Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã D, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Tuyển

Ngô Minh Tâm

Lê Trung Hiếu

